TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 17- 3 -2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ron
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Trúc Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2022/TLST–DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 23/2023/QĐST-DS ngày 24/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Trinh T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 90/20 đường T, TP. Quy Nhơn, Bình Định (có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 03 đường T, TP. Quy Nhơn, Bình Định (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: 01 đường T, TP. Quy Nhơn, Bình Định (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03.10.2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Trinh T trình bày:*

Giữa bà và bà Th là chỗ quen biết do mua bán nên ngày 28/6/2021 (dương lịch) bà có cho bà Th mượn 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), mục đích mượn để giải quyết việc gia đình. Khi mượn, bà Th có viết giấy mượn tiền và hai bên thoả thuận miệng là mỗi tháng bà Th trả cho bà 500.000đ tiền lãi. Bà Th đã trả cho bà được 01 tháng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Đến ngày 28/7/2021 (dương lịch) bà cho bà Th mượn thêm 40.000.000 đồng. Khi mượn, có viết giấy mượn tiền nhưng không ghi ngày tháng năm và hai bên cũng có thoả thuận miệng là mỗi tháng bà Th trả cho bà 800.000đ tiền lãi. Bà Th đã trả cho bà được 02 tháng tiền lãi**,** từ đó không trả nữa. Tổng cộng bà Th có mượn của bà là 65.000.000đ. Khi cần tiền bà đã đi lại đòi nhiều lần nhưng bà Th không chịu trả mà còn cố tình tránh mặt. Nay bà yêu cầu Toà giải quyết buộc bà Th phải trả cho bà số tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày làm đơn khởi kiện (03/10/2022) cho đến ngày đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

** Tại bản khai ngày 11/11/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Bà và bà Trần Thị Trinh T là chỗ quen biết nên ngày 28/6/2021 (Âm lịch) bà có mượn của bà T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để giải quyết việc gia đình. Bà có viết giấy mượn tiền cho bà T đề ngày 28/6/2021 nhưng không ghi thời gian trả lại số tiền gốc; hai bên có thoả thuận miệng là mỗi tháng bà phải trả cho bà T 2.000.000đồng tiền lãi. Sau khi mượn, bà đã trả cho bà T được 02 tháng tiền lãi tổng cộng là 4.000.000 đồng. Đến ngày 28/8/2021 bà đã trả lại cho bà T 25.000.0000 đồng đã mượn, hình thức trả bằng tiền mặt. Tại thời điểm trả tiền chỉ có bà và bà T, ngoài ra không có ai khác, khi nhận tiền bà T không trả lại giấy mượn tiền (bản gốc) cho bà và cũng không viết giấy đã nhận tiền.

Sau đó, khoảng tháng 10/2021 bà có mượn lại của bà T 40.000.000 đồng, để giải quyết việc gia đình. Bà có viết giấy mượn tiền và ký tên vào giấy mượn tiền cho bà T nhưng không ghi ngày tháng năm mượn tiền và không có ghi thời hạn trả lại số tiền trên. Hai bên cũng có thoả thuận miệng là đến ngày 18 âm lịch mỗi tháng bà phải trả cho bà T 3.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi mượn bà đã trả cho bà T 03 tháng tiền lãi, hình thức trả bằng tiền mặt, chưa trả tiền gốc. Đến ngày 26/12/2021 (Âm lịch) bà T có đến nhà yêu cầu bà trả số tiền gốc đã mượn. Ngày 28/12/2021 (Âm lịch) tại nhà bà Tuyết; có mặt bà, bà T và bà Trần Thị Thu H. Giữa ba bên có thoả thuận miệng cấn trừ nợ với nhau: bà T nợ tiền bà H nên cấn qua bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà H và không còn nợ bà T nữa.

Ngày 25/02/2022, bà T bảo bà chuyển cho bà H 50.000.000đ, bà đồng ý và chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của bà H (25.000.000 đồng qua Banknet tại cửa hàng Viettel và 25.000.000 đồng tại ngân hàng phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Ngô Mây, Quy Nhơn). Như vậy, bà đã trả nợ xong, hiện nay không còn nợ của bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà phải trả 65.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày làm đơn khởi kiện bà không đồng ý.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H trình bày:*

Bà và bà Trần Thị Trinh T là chỗ quen biết với nhau nên đầu năm 2018 bà có thuê nhà của bà Tuyết tại 90/20 đường T, TP. Quy Nhơn, Bình Định để ở. Bà Nguyễn Thị T là hàng xóm ở cạnh bên nhà mẹ ruột của bà. Vào tháng 3/2021 (dương lịch) bà T có mượn của bà số tiền 50.000.000 đồng để cho người khác vay. Khi mượn tiền bà T có viết giấy mượn tiền cho bà và hẹn đến cuối năm sẽ trả. Đến cuối năm 2021 (dương lịch) chưa thấy bà T trả tiền nên bà có đến nhà để hỏi thì bà T nói đã cho bà Nguyễn Thị Th mượn, khi nào đòi được sẽ trả lại cho bà.

Ngày 28/12/2021 (Âm lịch) bà T có hẹn bà Thảo đến số nhà 90/20 đường T, TP. Quy Nhơn. Tại đây có mặt ba người (bà, bà T và bà Th) đã thoả thuận miệng với nhau: Bà T nợ bà 50.000.000 đồng, bà Th thì nợ tiền bà T (số nợ bao nhiêu bà không biết) nên cấn qua bà Th phải trả cho bà và không còn nợ bà T nữa. Đến khoảng tháng 02/2022 bà Th có chuyển vào tài khoản của bà 50.000.000 đồng (02 lần, mỗi lần 25.000.000 đồng) và bà cũng đã trả lại giấy mượn tiền bản gốc cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Th trả số tiền gốc và lãi suất là việc giữa bà T và bà Th, bà không liên quan nên không có ý kiến gì.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành việc có mặt theo triệu tập của Tòa.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 của bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Th có trách nhiệm phải trả cho bà T 65.000.000 đồng tiền gốc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu tính lãi.
- Án phí: Bà Thảo phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại số 03 đường T, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th, bà H.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Trinh T và bà Nguyễn Thị Th đều thống nhất vào năm 2021 bà Tuyết cho bà Th mượn hai lần tiền tổng cộng 65.000.000đ, mục đích mượn là để giải quyết việc gia đình. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất số tiền gốc cũng như tiền lãi suất đã trả. Theo bà T từ khi vay đến nay bà Th chưa trả tiền gốc, tiền lãi đã trả được 2.100.000đ (500.000đ/1tháng của 25.000.000đ + 1.600.000đ/ 2 tháng của 40.000.000đ). Còn bà Th thì cho rằng bà đã trả hết nợ gốc cũng như tiền lãi cho bà T, hiện nay bà không còn nợ tiền của bà Tuyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th và bà H đến toà một lần để trình bày lời khai, sau đó Toà đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Th và bà H đến Toà để làm việc, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà Thảo và bà H đều vắng mặt. Vì vậy, Toà đã lập biên bản và tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét lời trình bày của các bên đương sự thì thấy rằng:

3.1 Về số tiền gốc:

Đối vối số tiền 25.000.000đ, bà Th nại rằng đã trả trực tiếp bằng tiền mặt cho bà T vào tháng 8/2021, nhưng bà Th không có chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ và cũng không được bà T thừa nhận, do đó không có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 50.000.000đ, bà Th nại đã trả cho bà T bằng hình thức chuyển vào tài khoản của bà H hai lần vào ngày 25/2/2022 (mỗi lần 25.000.000đ) do 3 bên thống nhất chuyển giao nghĩa vụ. Bà Th cung cấp chứng cứ là hai giấy chuyển tiền. Xét thấy, việc chuyển giao nghĩa vụ chỉ có bà Th và bà H thoả thuận không được sự thống nhất của bà T là không phù hợp với quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự. Mặt khác, trong giấy chuyển tiền ở ngân hàng AgriBank bà Th chuyển cho bà H, phần nội dung đã ghi cho em mượn. Hơn nữa, số tiền bà Th chuyển cho bà H 50.000.000đ, trong khi đó bà Th nợ bà T 40.000.000đ nhưng bà Th không giải thích được vì sao và cũng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

3.2 Về số tiền lãi: Trong giấy mượn tiền không thể hiện rõ mức lãi suất cũng như thời hạn trả nợ nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn có lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Bà Th nại đã trả cho bà T tổng cộng 13.000.000đ tiền lãi nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi của mình. Nay bà T thừa nhận đã nhận 2.100.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên hôm nay, bà T không yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày làm đơn khởi kiện cho đến thời điểm xét xử nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự 2015, HĐXX có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà Th phải có nghĩa vụ phải trả cho bà T 65.000.000đ tiền gốc.

[5] Đối với số tiền bà Thảo chuyển vào tài khoản của bà H được bà H thừa nhận, nếu bà Th có yêu cầu thì bà có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Thảo phải chịu 3.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 370, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 của bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trinh T đối với bà Nguyễn Thị Th.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Trinh T 65.000.0000đ tiền gốc.

- Bác lời nại của bà Nguyễn Thị Th đã trả đủ 65.000.0000đ tiền gốc cho bà Trần Thị Trinh T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST:

- Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 3.250.000đồng sung vào ngân sách nhà nước .

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Trinh T 1.625.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004732 ngày 25/10/2022 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Quy Nhơn;
- THA TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thảo Linh Phương